TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **415**/2023/HSST
Ngày: 22-8-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trương Thị Diệp

- *Các Hội thẩm nhân dâ*n: 1. Ông Trang Văn Hai

2. Bà Đậu Thị Mỹ Long

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Ngô Thị Thùy Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Đình Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 386/2023/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 435/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Lê Mỹ Q (tên gọi khác: không), sinh năm 1991, tại Quảng Nam; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký thường trú: 189, tổ 3, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đ; Nơi ở hiện nay: C3-27, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: Trần Q1, sinh năm 1961; Họ tên mẹ: Lê Thị V, sinh năm 1960; Gia đình bị cáo có ba chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có chồng tên Hà Duyên N, sinh năm 1979 và có 02 con chung sinh năm 2019 và sinh năm 2023 ; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 01/11/2022 đến ngày 10/11/2022. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Lê Mỹ Q là đối tượng sử dụng trái phép chất ma tuý tổng hợp (hàng đá).

Từ khoảng tháng 10/2022 đến ngày 01/11/2022, bị cáo Q đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày (không rõ) khoảng tháng 10/2022, bị cáo Q đang ở nhà tại địa chỉ C3-27, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ, có đối tượng tên K đến nhà bị cáo chơi. Tại đây, K đưa cho bị cáo Q 01 gói ma tuý tổng hợp (hàng đá) nhờ bị cáo Q cất giấu dùm. Bị cáo Q nhận gói ma tuý và đem cất giấu trên nóc tủ phòng ngủ của bị cáo.

Lần thứ hai: Vào khoảng 10 giờ 08 phút, ngày 01/11/2022, bị cáo Q nhờ anh Trần Quang H (bạn bị cáo Q), sinh năm 1986, ngụ tại số 03, xa lộ H, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đ chở bị cáo đến khu vực Cây xăng T, thuộc khu phố 4, phường A, thành phố B, tỉnh Đ. Tại đây, bị cáo Q nói với anh H dừng xe và đứng chờ để bị cáo đi công việc riêng. Sau đó, bị cáo Q đến gặp và mua của người đàn ông tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) 01 (một) gói ma tuý tổng hợp (hàng đá) với giá 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) với mục đích để sử dụng. Sau khi mua được ma tuý, bị cáo Q cầm gói ma tuý trên tay rồi quay lại cây xăng T để nhờ anh H chở về.

Khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày, khi bị cáo Q vừa đến chỗ anh H và đang cầm gói ma tuý trên tay thì bị Công an phường A phát hiện bắt quả tang chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà.

Đến khoảng 17 giờ 00 ngày 01/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà khám xét nhà của bị cáo Q phát hiện và thu giữ 01 (một) gói ma tuý (ma tuý tổng hợp hàng đá) của bị cáo đang cất giấu trên nóc tủ trong phòng ngủ của bị cáo Q.

*Tang vật, tài sản thu giữ gồm:

- 01 (một) gói nilon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng được thu giữ trên tay trái của bị cáo Q (bị cáo khai là ma túy tổng hợp) đã được niêm phong có chữ ký của Trần Lê Mỹ Q và dấu mộc của Công an phường An Hoà (ký hiệu M1);

- 01 (một) gói nilon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng được thu giữ trên nóc tủ trong phòng ngủ của bị cáo Q (bị cáo khai là ma tuý cất giấu dùm cho đối tượng tên K) đã được niêm phong có chữ ký của Trần Lê Mỹ Q và dấu mộc của Công an phường Long Bình Tân (ký hiệu M2);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo X9009 , số imel 861754036778991 là tài sản của bị cáo Q không liên quan đến vụ án;

- 01 (một) cân tiểu ly điện tử bị cáo Q khai sử dụng vào mục đích phân chia ma tuý.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Vairo màu đỏ không biển kiểm soát (do H làm hợp đồng ký gửi tài sản của Công ty Cổ phần kinh doanh F nên H giao biển số xe cho Công ty F), có số khung: MH1KF4110KK801843, số máy KF41E1804411 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone số imel 355347089332486 của anh H không liên quan đến hành vi phạm tội Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã trả cho anh H.

*Tại kết luận giám định số 2336/KLGĐ-PC09 ngày 08/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận:

- Mẫu chất màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma tuý, có khối lượng: 4,4390 gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu chất màu trắng (ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma tuý, có khối lượng: 10,9478 gam, loại Methamphetamine.

Tại cáo trạng số 390/CT-VKSBH ngày 03 tháng 7 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Trần Lê Mỹ Q, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh như đã nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội đang có thai và hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Q không có tình tiết năng nặng trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Trần Lê Mỹ Q mức án từ 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù đến 07 (bảy) năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Q không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà. Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể, vào khoảng tháng 10/2022 đến ngày 01/11/2022, tại khu vực Cây xăng T thuộc khu phố 4, phường A và tại nhà bị cáo đang ở tại địa chỉ C3-27, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ, bị cáo Q đã hai lần có hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý có khối lượng 4,4390 gam và 10,9478 gam Methamphetamine thì bị Công an phường phát hiện bắt quả tang.

[3] Về tội danh: Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và

hình phạt được quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Q có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma tuý, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự khác; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, bị cáo cũng nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Nên cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, khi phạm tội bị cáo đang mang thai và hiện nay đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Với các tình tiết giảm nhẹ trên, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo tàng trữ trái phép chất ma tuý mục đích tàng trữ để sử dụng cho bản thân mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không có điều kiện để thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy còn lại sau giám định;
- Tịch thu tiêu huỷ 01 cân tiểu ly điện tử do không còn giá trị sử dụng;
- Trả lại cho bị cáo Q 01 điện thoại di động hiệu OPPO X9009, số Imeil 861754036778991 do không liên quan đến hành vi phạm tội.
- 01 (một) xe mô tô hiệu Vairo màu đỏ không biển kiểm soát (do H làm hợp đồng ký gửi tài sản của Công ty Cổ phần F nên H giao biển số xe cho Công ty F), có số khung: MH1KF4110KK801843, số máy KF41E1804411 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone số imel 355347089332486 của anh H không liên quan đến hành vi phạm tội Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã trả cho anh H là phù hợp.

[9] Đối với đối tượng tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi bán ma túy cho bị cáo Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[10] Đối với đối tượng tên Lê Tăng K bỏ đi khỏi nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa lấy được lời khai của K có đồng phạm với bị cáo Q hay không nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

[10] Đối với Trần Văn H là người chở bị cáo Q, kết quả điều tra H không biết bị cáo Q cất giấu ma tuý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí HS-ST: Bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 249, điểm n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 47 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Lê Mỹ Q** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Trần Lê Mỹ Q:** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi chấp hành án (trừ đi thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 01/11/2022 đến ngày 10/11/2022).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy còn lại sau giám định;
- Tịch thu tiêu huỷ 01 cân tiểu ly điện tử do không còn giá trị sử dụng;
- Trả cho bị cáo Q 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO X9009, số Imeil 861754036778991 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Lê Mỹ Q phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Lê Mỹ Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp